**TUẦN 33** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**VƯƠNG QUỐC VẮNG NỤ CƯỜI (TT)**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Tiếng cười như một phép mầu làm cho cuộc sống của vương quốc u buồn thay đổi, thoát khỏi nguy cơ tàn lụi (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy bài tập đọc, với giọng đọc vui tươi, phân biệt được lời của các nhân vật

**3. Thái độ**

- Truyền cho HS cảm hứng vui vẻ và thái độ học tập tích cực

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ 2 HS đọc*  + *Phong thái ung dung, tinh thần lạc quan của Bác Hồ trong mọi hoàn cảnh* | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Học thuộc lòng bài Ngắm trăng, Không đề*  *+ Em cảm nhận gì về Bác Hồ qua hai bài thơ đã học*  - GV nhận xét chung, giới thiệu bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi trảy bài tập đọc với giọng tươi vui, phân biệt lời các nhân vật  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 3 đoạn:  + Đ1: Cả triều đình … ta trọng thưởng.  + Đ2: Tiếp theo … đứt giải rút ạ.  + Đ3: Còn lại.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*phi thường, hoàng bào, bụm miệng, vườn ngự uyển, dải rút ,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Cần đọc với giọng vui, đầy bất ngờ, hào hứng. Biết đọc phân biệt lời nhân vật.  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Tiếng cười như một phép mầu làm cho cuộc sống của vương quốc u buồn thay đổi, thoát khỏi nguy cơ tàn lụi (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Ở xung quanh cậu bé: nhà vua quên lau miệng, túi áo quan ngự uyển căng phồng một quả táo đang cắn dở, cậu bị đứt giải rút.*  *+ Vì những chuyện ấy bất ngờ và trái ngược với lẽ tự nhiên.*  *+ Là nhìn thẳng vào sự thật, phát hiện những chuyện mâu thuẩn, bất ngờ, trái ngược, với một cái nhìn vui vẻ lạc quan.*  *+ Tiếng cười như có phép màu làm mọi gương mặt đều rạng rỡ, tươi tỉnh. Hoa nở, chim hót, những tia nắng mặt trời nhảy múa …*  \* ***Tiếng cười như một phép mầu làm cho cuộc sống của vương quốc u buồn thay đổi, thoát khỏi nguy cơ tàn lụi***  - Ghi nhớ nội dung, ý nghĩa của bài  - Đọc phân vai toàn bộ bài tập đọc Vương quốc vắng nụ cười. | - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Cậu bé phát hiện ra những chuyện buồn cười ở đâu?*  *+ Vì sao những chuyện ấy buồn cười?*  *+ Bí mật của tiếng cười là gì?*  *+ Tiếng cười làm thay đổi cuộc sống ở vương quốc u buồn như thế nào?*  *\* Nêu nội dung bài tập đọc*  \* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. HS M3+M4 trả lời các câu hỏi nêu nội dung đoạn, bài. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc phân vai được bài tập đọc  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm:  + Phân vai  + Đọc phân vai  + Thi đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc phân vai tốt | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, giọng đọc của các nhân vật  - Yêu cầu đọc phân vai trong nhóm  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 161:* ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (tt)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập về phép tính nhân, chia phân số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được nhân, chia phân số.

- Tìm một thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia phân số.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực, làm bài tự giác

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 4 (a). Khuyến khích HSNK hoàn thành tất cả BT

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều khiển lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(2p)*  - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài |
| **2. Hoạt động thực hành** (35p)  **\* Mục tiêu**:  - Thực hiện được nhân, chia phân số.  - Tìm một thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia phân số.  \* **Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| **Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Lớp**  Đáp án:  a)        b) ;  ; 2 x  c) 4 x  ;  ;  **Cá nhân – Lớp**  a. 🞨 x =  ; b.: x =  ; c. x:  = 22  x = : x = :  x = 22 🞨  x =  x =  x = 14  **Cá nhân – Lớp**  Giải:  a. Chu vi tờ giấy hình vuông là:  (m)  Diện tích tờ giấy hình vuông là:  (m2)  b. Diện tích mỗi ô vuông là:  (m2)  Cắt được số ô vuông là:  (ô)  c. Chiều rộng tờ giấy hình chữ nhật là:  (m)  Đáp số: a. m ; m2  b. 25 ô vuông  c.  m  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  a)  (PS nhân với PS đảo ngược thì kết quả bằng 1)  b) (Một PS chia cho chính nó kết quả bằng 1)  c)  d)  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải | ***Bài 1: Tính***  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - Nhận xét, khen ngợi/ động viên.  - Chốt cách thực hiện phép nhân, chia hai phân số; nhân, chia phân số với số tự nhiên; mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia  ***Bài 2: Tìm x:***  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - Cho các em chia sẻ với cả lớp về cách tìm thừa số chưa biết và cách tìm số bị chia, số chia.  - Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS – Chốt đáp án  - Nhận xét, khen ngợi/ động viên.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 4a (HS năng khiếu hoàn thành cả bài)***  ***-*** Gọi 1 HS đọc và xác định đề bài trước lớp.  - HS tự làm bài.  - Chữa một số bài, nhận xét chung.  - Gọi 1 HS chữa bài trên bảng.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 củng cố cách tính chu vi, diện tích hình vuông.  **Bài 3 (*Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Củng cố cách thực hiện phép nhân, phép chia và vận dụng tínhnhanh  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**QUAN HỆ THỨC ĂN TRONG TỰ NHIÊN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được mối quan hệ thức ăn trong tự nhiên.

**2. Kĩ năng**

- Vẽ sơ đồ mối quan hệ sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia.

**3. Thái độ**

- HS có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL làm việc nhóm, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác

***\*KNS:*** *- Khái quát, tổng hợp thông tin về sự trao đổi chất ở thực vật*

*- Phân tích, so sánh, phán đoán về thức ăn của các sinh vật trong tự nhiên*

*- Giao tiếp và hợp tác giữa các thành viên trong nhóm*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Hình minh hoạ trang 130, SGK (phóng to).

+ Hình minh họa trang 131, SGK phôtô theo nhóm.

- HS: Một số tờ giấy A4.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành – luyện tập

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | | **Hoạt đông của giáo viên** | |
| - HS chơi trò chơi dưới sự điều hành của TBHT  *+ Động vật lấy từ môi trường thức ăn, nước uống và thải ra các chất cặn bã, khí các - bô- níc, nước tiểu,…*  *+ HS lên vẽ sơ đồ sau đó trình bày.* | | **1. Khởi động *(4p)***  TBHT điều khiển trò chơi: **Hộp quà bí mật**  *+ Thế nào là sự trao đổi chất ở động vật?*  *+ Bạn hãy vẽ sơ đồ sự trao đổi chất ở động vật. Sau đó trình bày theo sơ đồ?*  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới | |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nắm được mối quan hệ thức ăn trong tự nhiên.  - Vẽ sơ đồ mối quan hệ sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  *+ Thức ăn của thực vật là nước, khí các- bô- níc, các chất khoáng hoà tan trong đất.*  *+ Thức ăn của động vật là thực vật hoặc động vật.*  - Lắng nghe.  **Nhóm 2 – Lớp**  *+ “Thức ăn” của cây ngô dưới năng lượng của ánh sáng Mặt Trời: cây ngô hấp thụ khí các- bô- níc, nước, các chất khoáng hoà tan trong đất.*  *+ Cây ngô tạo ra chất bột đường, chất đạm,....*  *+ Chiều mũi tên chỉ vào lá cho biết cây hấp thụ khí các- bô- níc qua lá, chiều mũi tên chỉ vào rễ cho biết cây hấp thụ nước, các chất khoáng qua rễ.*  - Quan sát, lắng nghe.  *+ Yếu tố vô sinh là những yếu tố không thể sinh sản được mà chúng đã có sẵn trong tự nhiên như: nước, khí các- bô- níc. Yếu tố hữu sinh là những yếu tố có thể sản sinh tiếp được như chất bột đường, chất đạm.*  - Lắng nghe.  **Cá nhân – Nhóm 2– Lớp**  *+ Là lá ngô, lá cỏ, lá lúa, …*  *+ Cây ngô là thức ăn của châu chấu.*  *+ Là châu chấu.*  *+ Châu chấu là thức ăn của ếch.*  *+ Lá ngô là thức ăn của châu chấu, châu chấu là thức ăn của ếch.*  - Lắng nghe.  Sơ đồ:  Cây ngô Châu chấu Ếch  - Lắng nghe  **Nhóm 4 – Lớp**  Ví dụ một số sơ đồ  Cỏ Cá Người    Lá rau Sâu Chim sâu    Lá cây Sâu Gà.    Cỏ Hươu Hổ.    Cỏ Thỏ Cáo Hổ .  - Ghi nhớ kiến thức của bài.  - Trang trí sơ đồ mối quan hệ thức ăn và trưng bày ở góc học tập | **a.*Giới thiệu bài:***  *+ Thức ăn của thực vật là gì?*  *+ Thức ăn của động vật là gì?*  - GV: ***Thực vật sống là nhờ chất hữu cơ tổng hợp được rễ hút từ lớp đất trồng lên và lá quang hợp. Động vật sống được là nhờ nguồn thức ăn từ thực vật hay thịt của các loài động vật khác. Thực vật và động vật có các mối quan hệ với nhau về nguồn thức ăn như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.***  **b. Tìm hiểu bài**:  ***HĐ***1**: *Mối quan hệ giữa thực vật và các yếu tố vô sinh trong tự nhiên:***  - Cho HS quan sát hình trang 130, SGK, trao đổi và trả lời câu hỏi sau:  *+ "Thức ăn" của cây ngô là gì?*  *+ Từ những "thức ăn" đó, cây ngô có thể tạo ra những chất dinh dưỡng nào nuôi cây?*  *+ Ý nghĩa của chiều các mũi tên có trong sơ đồ?*  - GV vừa chỉ vào hình minh hoạ và giảng: ***Hình vẽ này thể hiện mối quan hệ về thức ăn của thực vật giữa các yếu tố vô sinh là nước, khí các- bô- níc để tạo ra các yếu tố hữu sinh là các chất dinh dưỡng như chất bột đường, chất đạm, … Mũi tên xuất phát từ khí các- bô- níc và chỉ vào lá của cây ngô cho biết khí các- bô- níc được cây ngô hấp thụ qua lá. Mũi tên xuất phát từ nước, các chất khoáng và chỉ vào rễ của cây ngô cho biết nước, các chất khoáng được cây ngô hấp thụ qua rễ.***  *+ Theo em, thế nào là yếu tố vô sinh, thế nào là yếu tố hữu sinh? Cho ví dụ?*  - ***Kết luận***: ***Thực vật không có cơ quan tiêu hoá riêng nhưng chỉ có thực vật mới trực tiếp hấp thụ năng lượng ánh sáng Mặt Trời và lấy các chất vô sinh như nước, khí các- bô- níc để tạo thành các chất dinh dưỡng như chất bột đường, chất đạm để nuôi chính thực vật.***  - GV: Các em đã biết, thực vật cũng chính là nguồn thức ăn vô cùng quan trọng của một số loài động vật. Mối quan hệ này như thế nào? Chúng thức ăn cùng tìm hiểu ở hoạt động 2.  ***Hoạt động2: Mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật:***  *+ Thức ăn của châu chấu là gì?*  *+ Giữa cây ngô và châu chấu có mối quan hệ gì?*  *+ Thức ăn của ếch là gì?*  *+ Giữa châu chấu và ếch có mối quan hệ gì?*  *+ Giữa lá ngô, châu chấu và ếch có quan hệ gì?*  ***\*\* Mối quan hệ giữa cây ngô, châu chấu và ếch gọi là mối quan hệ thức ăn, sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia.***  - Phát hình minh họa trang 131, SGK cho từng nhóm. Sau đó yêu cầu HS vẽ mũi tên để chỉ sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia.  - Gọi HS trình bày, GV nhận xét phần sơ đồ của nhóm và trình bày của đại diện.  - ***Kết luận***: Vẽ sơ đồ bằng chữ lên bảng.  **- *Cây ngô, châu chấu, ếch đều là các sinh vật. Đây chính là quan hệ thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên. Sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia.***  ***HĐ3:Trò chơi: “Ai nhanh nhất”***  GV tổ chức cho HS thi vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên. (Khuyến khích HS vẽ sơ đồ chứ không viết) sau đó tô màu cho đẹp.  - Nhận xét về sơ đồ của từng nhóm: Đúng, đẹp, trình bày lưu loát, khoa học. GV có thể gợi ý HS vẽ các mối quan hệ thức ăn sau:  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**NGẮM TRĂNG – KHÔNG ĐỀ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nhớ - viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức 2 bài thơ: 1 bài thơ theo thể thơ 7 chữ, 1 bài thơ theo thể thơ lục bát

- Làm đúng BT 2a, 3a phân biệt âm đầu ch/tr

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: giấy khổ to ghi nội dung BT 2a, 3a

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  ***-*** GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, tìm được các từ khó viết  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 2 HS đọc, cả lớp theo dõi trong SGK.  *+ Hai bài thơ giúp ta hiểu được: dù trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, Bác Hồ vẫn luôn lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống*  *-* HS nêu từ khó viết: *rượu, ngàn, bương*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | \* Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Cho HS đọc thuộc lòng bài chính tả  *+ Nêu nội dung bài viết*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nhớ - viết tốt bài chính tả, trình bày đúng hình thức 2 bài thơ  **\* Cách tiến hành: Cá nhân** | |
| - HS nhớ- viết bài vào vở  + Bài Ngắm trăng: Các câu thơ cách lề 1 ô  + Bài Không đề: Câu 6 cách lề 2 ô, câu 8 cách lề 1 ô | - GV yêu cầu HS viết bài, nhắc nhở HS cách trình bày bài thơ  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được s/x  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  Đáp án:  - HS tham gia trò chơi  Đáp án:  + Các từ láy trong đó tiếng nào cũng bắt đầu bằng âm ***tr****: tròn trịa, trắng trẻo, trơ trẽn, (đen) trùi trũi,....*  + Các từ láy trong đó tiếng nào cũng bắt đầu bằng âm ***ch***: *chông chênh, chống chếnh, chong chóng, chói chang*  - Viết lại các từ đã viết sai  - Đặt câu với 1 trong các từ láy tìm được ở BT 3 | ***Bài 2a:***  - GV lưu ý HS một số trường hợp đặc biệt để các em không viết sai chính tả  ***Bài 3a: Tổ chức cho HS chơi trò chơi Tiếp sức***  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 162:* ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (tt)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Tiếp tục ôn tập về 4 phép tính với phân số

**2. Kĩ năng**

- Tính giá trị của biểu thức với các phân số.

- Giải được bài toán có lời văn với các phân số.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (a) (chỉ yêu cầu tính), bài 2 (b), bài 3. Khuyến khích HSNK hoàn thành tất cả BT

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(2p)*  - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài |
| **2. HĐ thực hành** (35p)  **\* Mục tiêu**:  - Tính giá trị của biểu thức với các phân số.  - Giải được bài toán có lời văn với các phân số.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  *+ Ta lấy từng số hạng của tổng nhân với số đó rồi cộng các kết quả lại với nhau*  Đáp án:  a) ( =    **Cá nhân – Lớp**  Đáp án b)  c)  **Nhóm 2 – Lớp**  - Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán:  *+ Bài toán cho biết:*  *⬩ Tấm vải dài 20 m*  *⬩ May quần áo hết  tấm vải*  *⬩ Số vải còn lại may túi. Mỗi túi hết  m*  *+ Hỏi số vải còn lại may được bao nhiêu cái túi.*  *+ Ta phải tính được số mét vải còn lại sau khi đã may áo.*  ***Bài giải***  Đã may áo hết số mét vải là:  20 🞨  = 16 (m)  Còn lại số mét vải là:  20 – 16 = 4 (m)  Số cái túi may được là:  4:  = 6 (cái túi)  Đáp số: 6 cái túi    Chọn đáp án: D  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải | ***Bài 1a: Tính (HS năng khiếu hoàn thành cả bài.)***  - Yêu cầu HS đọc đề bài, sau đó hỏi:  *+ Khi muốn nhân một tổng với một số ta có thể làm theo những cách nào?*  - YC HS làm bài cá nhân trong vở (nhắc HS chỉ cần thực hiện 1 cách); mời 1 HS thực hiện trên bảng lớn; HS chia sẻ về cách làm trước lớp.  - Mời cả lớp cùng nhận xét, bổ sung;  ***Bài 2b: (HS năng khiếu hoàn thành cả bài.)***  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, chữa bài.  - GV nhận xét, HD cách thuận tiện nhất: VD:  + Rút gọn 3 với 3.  + Rút gọn 4 với 4.  Ta có:  =  - Chốt đáp án, khen ngợi HS  ***Bài 3:*** Gọi 1 HS đọc đề bài toán.  *+ Bài toán cho biết gì?*  *+ Bài toán hỏi gì?*  *+ Để biết số vải còn lại may được bao nhiêu cái túi chúng ta phải tính được gì?*  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.  ***Bài 4 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 giải toán có lời văn  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**TỔng KẾT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hệ thống những sự kiện tiêu biểu của mỗi thời kì trong lịch sử nước ta từ buổi đầu dựng nước đến giữa thế kỉ XIX (từ thời Văn Lang-Âu Lạc đến thời Nguyễn): Thời Văn Lang-Âu Lạc; Hơn một nghìn năm đấu tranh chống Bắc thuộc; Buổi đầu độc lập; Nước Đại Việt thời Lý, thời Trần, thời Hậu Lê, thời Nguyễn.

**2. Kĩ năng**

- Lập bảng nêu tên và những cống hiến của các nhân vật lịch sử tiêu biểu: Hùng Vương, An Dương Vương, Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn, Lý Thái Tổ, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung.

- Hệ thống lại các sự kiện liên quan đến các địa danh lịch sử

**3. Thái độ**

- Có ý thức học tập nghiêm túc, tôn trọng lịch sử, tự hào truyền thống đánh giặc của cha ông

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu bài tập của HS.

+ Băng thời gian biểu thị các thời kì lịch sử trong SGK được phóng to.

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vai

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Thành có 10 cửa chính ra vào. Bên trên cửa thành xây các vọng gác có mái uốn cong hình chim phượng…* | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Bạn hãy mô tả kiến trúc độc đáo của quần thể kinh thành Huế?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Hệ thống những sự kiện tiêu biểu của mỗi thời kì trong lịch sử nước ta từ buổi đầu dựng nước đến giữa thế kỉ XIX (từ thời Văn Lang-Âu Lạc đến thời Nguyễn)  - Lập bảng nêu tên và những cống hiến của các nhân vật lịch sử tiêu biểu  - Hệ thống lại các sự kiện liên quan đến các địa danh lịch sử | |
| **Cá nhân – Lớp**  *+ Buổi đầu dựng nước và giữ nước.*  *+ Khoảng 700 năm trước CN đến năm 179*  *+ Hùng Vương và An Dương Vương.*  + Hơn 1000 năm. Từ năm 179 TCN đến năm 938  *+ Người đầu tiên khởi nghĩa là Hai Bà Trưng, người kết thúc hơn 1000 năm đô hộ là Ngô Quyền với chiến thắng Bạch Đằng năm 938*  - HS quan sát, lắng nghe  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS bắt thăm, mỗi nhóm 3 nhân vật lịch sử  - HS các nhóm thảo luận và ghi tóm tắt vào trong phiếu bài tập.  - HS đại diện nhóm trình bày kết quả làm việc.  **Cá nhân – Lớp**  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS trình bày.  - Ghi nhớ KT của bài  - Tìm hiểu thêm thông tin về một số địa danh lịch sử khác. | ***Hoạt động1: Hệ thống sự kiện***  - GV đưa ra băng thời gian, giải thích băng thời gian (được bịt kín phần nội dung).  - GV đặt câu hỏi: Ví dụ:  *+ Giai đoạn đầu tiên chúng ta được học trong lịch sử nước nhà là giai đoạn nào?*  *+ Giai đoạn này bắt đầu từ bao giờ kéo dài đến khi nào?*  *+ Giai đoạn này triều đại nào trị vì đất nước ta?*  *+ Chúng ta đã chịu ách áp bức, đô hộ của phong kiến phương Bắc trong vòng bao nhiêu năm?*  *+ Người đầu tiên khởi nghĩa chống lại các triều đại phong kiến phương Bắc là ai? Ai là người đã kết thức giai đoạn đô hộ của thực dân phong kiến phương Bắc*  ........................  - GV kết luận, hệ thống lại các sự kiện chính trên băng thời gian  **\**Hoạt động2: Lập bảng về công lao của các nhân vật lịch sử***  - GV phát phiếu bài tập có ghi các nhân vật lịch sử:  + Hùng Vương + An Dương Vương  + Hai Bà Trưng + Ngô Quyền  + Đinh Bộ Lĩnh + Lê Hoàn  + Lý Thái Tổ + Lý Thường Kiệt  + Trần Hưng Đạo + Lê Thánh Tông  + Nguyễn Trãi + Nguyễn Huệ ……  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận và ghi tóm tắt về công lao của các nhân vật lịch sử trên (khuyến khích các em tìm thêm các nhân vật lịch sử khác và kể về công lao của họ trong các giai đoạn lịch sử đã học ở lớp 4).  - GV cho đại diện HS lên trình bày phần tóm tắt của nhóm mình.  - GV nhận xét, kết luận.  ***Hoạt động3: Địa danh lịch sử***  - GV đưa ra một số địa danh, di tích lịch sử, văn hóa có đề cập trong SGK như:  + Lăng Hùng Vương + Thành Cổ Loa  + Sông Bạch Đằng + Động Hoa Lư  + Thành Thăng Long  - GV yêu cầu một số HS điền thêm thời gian hoặc sự kiện lịch sử gắn liền với các địa danh, di tích lịch sử, văn hóa đó (động viên HS bổ sung các di tích, địa danh trong SGK mà GV chưa đề cập đến).  - GV nhận xét, kết luận.  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: LẠC QUAN – YÊU ĐỜI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nghĩa từ lạc quan (BT1), biết xếp đúng các từ cho trước có tiếng lạc thành hai nhóm nghĩa (BT2), xếp các từ cho trước có tiếng quan thành ba nhóm nghĩa (BT3); biết thêm một số câu tục ngữ khuyên con người luôn lạc quan, không nản chí trước khó khăn (BT4).

2**. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng dùng từ, đặt câu

**3. Thái độ**

- Có ý thức tham gia tích cực các HĐ học tập

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút dạ

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập - thực hành,...

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1. Khởi động** *(2p)*  - GV giới thiệu - Dẫn vào bài mới | |
| **2. HĐ thực hành** *(35p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu nghĩa từ lạc quan (BT1), biết xếp đúng các từ cho trước có tiếng lạc thành hai nhóm nghĩa (BT2), xếp các từ cho trước có tiếng quan thành ba nhóm nghĩa (BT3); biết thêm một số câu tục ngữ khuyên con người luôn lạc quan, không nản chí trước khó khăn (BT4).  **\* Cách tiến hành** | | |
| **Nhóm 2 - Chia sẻ lớp**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Luôn tin tưởng ở tương lai tốt đẹp | Có triển vọng tốt đẹp | | Tình hình đội tuyển rất lạc quan |  | + | | Chú ấy sống rất lạc quan | + |  | | Lạc quan là liều thuốc bổ | + |  |   *+ 2 nét nghĩa: Tin tưởng ở tương lai tốt*  *đẹp và Có triển vọng tốt đẹp*  **Nhóm 2 – Lớp**  Đáp án:  + Những từ trong đó ***lạc*** có nghĩa là “vui, mừng” là: ***lạc quan, lạc thú***  + Những từ trong đó ***lạc*** có nghĩa là “rớt lại”, “sai” là: ***lạc hậu, lạc điệu, lạc đề***  *+ lục lạc: vật đeo cổ con vật phát ra tiếng kêu*  *+ lạc dân: người dân*  *+ lạc lõng: rớt lại*  *+ củ lạc: tên một loại củ*  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  Đáp án:  + Những từ trong đó ***quan*** có nghĩa là ***“quan lại”*** là: ***quan quân***  + Những từ trong đó ***quan*** có nghĩa là ***“nhìn, xem”*** là: ***lạc quan*** (lạc quan là cái nhìn vui, tươi sáng, không tối đen ảm đạm).  + Những từ trong đó ***quan*** có nghĩa là ***“liên hệ, gắn bó”*** là: ***quan hệ, quan tâm.***  + quan toà, vị quan (nghĩa: quan lại)  + quan sát, tham quan (nghĩa: nhìn, xem)  **Cá nhân – Lớp**  a). Câu tục ngữ ***“Sông có khúc, người có lúc”*** khuyên người ta: Gặp khó khăn là chuyện thường tình không nên buồn phiền, nản chí (cũng giống như dòng sông có khúc thẳng, khúc quanh co, khúc rộng, khúc hẹp: con người có lúc sướng, lúc khổ, lúc vui, lúc buồn …)  b). Câu tục ngữ “Kiến tha lâu cũng đầy tổ” khuyên con người phải luôn kiên trì nhẫn nại nhất định sẽ thành công (giống như con kiến rất nhỏ bé, mỗi lần chỉ tha được một ít mồi, nhưng tha mãi cũng có ngày đầy tổ).  - Vận dụng từ ngữ và các thành ngữ, tục ngữ vào viết câu, bài văn  - Tìm các câu thành ngữ, tục ngữ khác cùng chủ điểm Lạc quan- Yêu đời. | **\* Bài tập 1:** Cho HS đọc yêu cầu của BT.  - GV nhận xét + chốt lại lời giải đúng:  *+ Vậy quan bài 1, từ "lạc quan" có mấy nét nghĩa?*  \* **Bài tập 2:** Cho HS đọc yêu cầu của BT.  - GV nhận xét + chốt lại lời giải đúng:  *+ Hãy tìm các từ khác có chứa tiếng "lạc" và giải nghĩa từ đó.*  **\*Bài tập 3:** Cho HS đọc yêu cầu của BT.  - GV chốt đáp án  *+ Tìm các từ khác có chứa tiếng "quan"*  ***\**Bài tập 4:** Cho HS đọc yêu cầu của BT.  - GV nhận xét, chốt lại đáp án đúng.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 163:* ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (tt)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập về bốn phép tính với phân số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được bốn phép tính với phân số.

- Vận dụng được để tính giá trị của biểu thức và giải toán.

3**. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3 (a), bài 4 (a). Khuyến khích HSNK hoàn thành tất cả các bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(3p)***  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** (35p)  **\* Mục tiêu:** - Thực hiện được bốn phép tính với phân số.  - Vận dụng được để tính giá trị của biểu thức và giải toán.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| **Cá nhân – Lớp**  Đáp án:  +  = +  -  =  -  🞨  =  :  = =  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  Đáp án:  a.  ;  **Cá nhân – Lớp**  ***Bài giải***  a. Sau 2 giờ vòi nước chảy được số phần bể nước là:  +  =  (bể)  Đáp số:  bể  b. Số phần bể nước còn lại là:  (bể)  Đ/s: bể  - HS hoàn thành bảng và chia sẻ lớp  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải | ***Bài 1:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Đánh giá bài làm trong vở của HS, chữa bài, chốt đáp án đúng.  - Củng cố cách thực hiện 4 phép tính với phân số.  ***Bài 3a: (HS năng khiếu hoàn thành cả bài)***  - Yêu cầu HS nêu thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức, sau đó yêu cầu HS làm bài, 1 HS làm bảng lớn.  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.  - Củng cố cách thực hiện tính giá trị của biểu thức.  ***\*Nếu còn thời gian: Mời những HS đã hoàn thành cả phần b chia sẻ cách thực hiện và kết quả. Mời cả lớp nhận xét; chốt KQ; khen ngợi/ động viên***  ***Bài 4a: (HS năng khiếu hoàn thành cả bài)***  - Gọi 1 HS đọc đề bài, xác định yếu tố đã cho, yếu tố cần tìm.  - Yêu cầu HS tự làm bài.  - Gọi 1 HS làm bảng lớn.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, chữa bài.  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 giải được bài toán có lời văn  ***\* Nếu còn thời gian: Mời những HS đã hoàn thành cả phần b chia sẻ cách thực hiện và kết quả. Mời cả lớp nhận xét; chốt KQ; khen ngợi/ động viên***  ***Bài 2 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC (dành cho địa phương)**

**THAM GIA TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS biết được ích lợi của việc trồng và chăm sóc cây.

**2. Kĩ năng**

- HS có kĩ năng trồng và chăm sóc cây

**3. Thái độ**

- HS tự giác tham gia trồng và chăm sóc cây để giúp cho môi tr­ường xanh, sạch, đẹp.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Cây trồng

- HS: Cuốc, xô, bình tưới,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, đóng vai

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát và vận động | **1. Khởi động:***(2p)*  - Lớp hát bài Ai trồng cây?  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Bài mới** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết được ích lợi của việc trồng và chăm sóc cây. HS tự giác tham gia trồng và chăm sóc cây để giúp cho môi tr­ường xanh, sạch, đẹp.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS tập trung theo đội hình hàng dọc.  - Chuẩn bị dụng cụ.  - Nghe  - Các tổ nhận công việc.  - HS thực hành trồng cây.    - Nghe GV nhận xét.  - Các tổ bình chọn cá nhân tiêu biểu  - Tiếp tục thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp | **\* Hoạt động 1: Kiểm tra sự chuẩn bị của HS**  **\* Hoạt động 2**: **Phân công lao động**  - GV phân công công việc theo tổ, yêu cầu tổ tr­ưởng điều khiển tổ mình thực hiện các yêu cầu của GV như­ sau :  + Tổ 1 : Dọn cỏ, cuốc đất  + Tổ 2: Đào hố để trồng cây.  + Tổ 3: Trồng cây.  + Cả 3 tổ: Rào xung quanh cây và tưới cây.  - YC HS thực hành trồng và chăm sóc cây.  - GV theo dõi, chỉ dẫn cho HS thực hiện.  - L­ưu ý đảm bảo an toàn, vệ sinh trong lao động .  **\* Hoạt động 3: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá kết quả của từng tổ.  - Biểu d­ương những nhóm, cá nhân tham gia tích cực, hoàn thành tốt công việc  đư­ợc giao.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đã kể, biết trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.

**2. Kĩ năng**

- Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về tinh thần lạc quan, yêu đời.

**3. Thái độ**

- GD HS sống lạc quan, yêu đời.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Một số sách, báo, truyện viết về những người có hoàn cảnh khó khăn vẫn lạc quan, yêu đời.

+ Bảng lớp viết sẵn đề bài, dàn ý KC.

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, kể chuyện

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động***:(5p)*  *+ Kể lại câu chuyện Khát vọng sống*  *+ Nêu ý nghĩa câu chuyện*  - Gv dẫn vào bài. | - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ 1 HS kể chuyện*  ***+*** *Câu chuyện ca ngợi con người với khát vọng sống mãnh liệt đã vượt qua đói, khát, chiến thắng thú dữ, chiến thắng cái chết.* |
| |  |  | | --- | --- | | **2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học:***:(5p)*  **\* Mục tiêu:**  Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về tinh thần lạc quan, yêu đời.  **\* Cách tiến hành:** | | | **HĐ1: *Tìm hiểu yêu cầu của đề:***  - GV ghi đề bài lên bảng lớp.  ***Đề bài:*** *Kể một câu chuyện em đã được nghe, được đọc về tinh thần lạc quan, yêu đời.*  - Cho HS đọc gợi ý trong SGK.  - Cho HS giới thiệu tên câu chuyện mình sẽ kể.  - GV khuyến khích HS ***kể những câu chuyện ngoài SGK*** | - HS đọc đề bài, gạch chân các từ ngữ quan trọng:  - 2 HS đọc tiếp nối 4 gợi ý trong sách  - HS nối tiếp giới thiệu tên câu chuyện mình sẽ kể | | **3. Thực hành kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện***:(20- 25p)*  **\* Mục tiêu:** Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về tinh thần lạc quan, yêu đời. Nêu được nội dung, ý nghĩa câu chuyện  + HS M1+M2 kể được câu chuyện đúng YC  + HS M3+ M4 kể được câu chuyện đúng YC kết hợp được điệu bộ, giọng nói,..  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | | | a. Kể trong nhóm  - GV theo dõi các nhóm kể chuyện  b. Kể trước lớp  - GV mở bảng phụ đã viết sẵn tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện (như những tiết trước)  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn  - Cùng HS trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện: *Các câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | - Nhóm trưởng điều hành các thành viên kể chuyện trong nhóm  - Các nhóm cử đại diện kể chuyện trước lớp  - HS lắng nghe và đánh giá theo các tiêu chí  VD:  *+ Nhân vật chính trong câu chuyện của bạn là ai?*  *+ Nhân vật đó đã thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời như thế nào?*  *+ Bạn học được điều gì từ nhân vật đó?*  *..................*  *+ Cần phải sống lạc quan, yêu đời dù trong mọi hoàn cảnh. Tinh thần lạc quan, yêu đời sẽ giúp chúng ta chiến thắng mọi thử thách*  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề. | | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**LẮP GHÉP MÔ HÌNH TỰ CHỌN** **(tiết 1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Chọn được các chi tiết để lắp ghép mô hình tự chọn.

**2. Kĩ năng**

- Lắp ghép được một mô hình tự chọn. Mô hình lắp tương đối chắc chắn, sử dụng được.

\* Với HS khéo tay: Lắp ghép được ít nhất một mô hình tự chọn. Mô hình lắp chắc chắn, sử dụng được.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác, yêu thích môn học

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ, NL sáng tạo, NL hợp tác

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Bộ dụng cụ lắp ghép

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, chia sẻ nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**:  - Chọn được các chi tiết để lắp ghép mô hình tự chọn.  - Lắp ghép được một mô hình tự chọn. Mô hình lắp tương đối chắc chắn, sử dụng được.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - HS quan sát và nghiên cứu hình vẽ trong SGK hoặc tự sưu tầm.  - HS nối tiếp nêu mô hình mà mình sẽ lắp ghép  - HS chọn các chi tiết.  - HS lắp ráp mô hình cá nhân  - HS trưng bày sản phẩm.  - HS dựa vào tiêu chuẩn trên để đánh giá sản phẩm.  - HS lắng nghe.  - HS thực hành  - Hoàn thiện lắp ghép mô hình tự chọn  - Lên ý tưởng cho mô hình mới | **Hoạt đông 1: *HS chọn mô hình lắp ghép:***  - GV cho HS tự chọn một mô hình lắp ghép.  **Hoạt động 2: *Chọn và kiểm tra các chi tiết:***  - GV kiểm tra các chi tiết chọn đúng và đủ của HS.  **Hoạt động 3: *HS thực hành lắp ráp mô hình đã chọn***  - GV cho HS thực hành lắp ghép mô hình đã chọn.  + Lắp từng bộ phận.  + Lắp ráp mô hình hoàn chỉnh.  **Hoạt động 4*: Đánh giá kết quả học tập***  - GV tổ chức HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - GV nêu những tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm thực hành đã viết ở bảng phụ  + Lắp được mô hình tự chọn.  + Lắp đúng kĩ thuật, đúng qui trình.  + Lắp mô hình chắc chắn, không bị xộc xệch.  + Mô hình có khả năng sử dụng  - GV nhận xét đánh giá kết quả học tập của HS.  - GV nhắc nhở HS tháo các chi tiết và xếp gọn vào hộp.  **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo** (1p) | |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**CON CHIM CHIỀN CHIỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND, ý nghĩa: Hình ảnh con chim chiền chiện tự do bay liệng trong cảnh thiên nhiên thanh bình cho thấy sự ấm no, hạnh phúc và tràn đầy tình yêu trong cuộc sống (trả lời được các câu hỏi)

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy, rõ ràng bài thơ với giọng vui tươi, sôi nổi, ngắt nhịp đúng giữa các câu thơ. Biết đọc diễn cảm 2-3 khổ thơ. Học thuộc lòng bài thơ.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS tình yêu cuộc sống

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ 1 HS đọc*  + *Tiếng cười đã làm thay đổi cuộc sống của vương quốc nọ, giúp vương quốc tránh được sự lụi tàn* | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Bạn hãy đọc bài tập đọc Vương quốc vắng nụ cười*  *+Nêu nội dung, ý nghĩa của bài?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài học |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi trảy, rành mạch bài thơ với giọng vui tươi, sôi nổi, biết ngắt nhịp các câu thơ  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng chia đoạn bài tập đọc (mỗi khổ thơ là 1 đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*cao vợi, cành sương chói, bối rối,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 2 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Cần đọc với giọng hồn nhiên, vui tươi.Nhấn giọng ở các từ ngữ: *ngọt ngào, cao hoài, cao vợi, long lanh, sương chói, chan chứa.*  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND, ý nghĩa: Hình ảnh con chim chiền chiện tự do bay liệng trong cảnh thiên nhiên thanh bình cho thấy sự ấm no, hạnh phúc và tràn đầy tình yêu trong cuộc sống (trả lời được các câu hỏi)  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Chim chiền chiện bay lượn trên cánh đồng lúa, giữa một không gian cao rộng.*  *+ Lúc chim sà xuống cánh đồng, lúc chim vút lên cao. “Chim bay, chim sà …” “bay vút”, “cao vút”, “bay cao”, “cao hoài”, “cao vợi” …*  *+ Những câu thơ là:*  *⬩ Khúc hát ngọt ngào*  *⬩ Tiếng hót long lanh. Như cành sương chói*  *⬩ Chim ơi, chim nói. Chuyện chi, chuyện chi?*  *⬩ Tiếng ngọc, trong veo. Chim reo từng chuỗi*  *⬩ Đồng quê chan chứa. Những lời chim ca*  *⬩ Chỉ còn tiếng hót, Làm xanh da trời*  *+ Gợi cho em về cuộc sống rất thanh bình, hạnh phúc.*  *+ Làm cho em thấy hạnh phúc tự do.*  *+ Làm cho em thấy yêu hơn cuộc sống, yêu hơn con người.*  **Nội dung:** ***Hình ảnh con chim chiền chiện tự do bay lượn, hát ca giữa không gian cao rộng, thanh bình là hình ảnh của cuộc sống ấm no, hạnh phúc, gieo trong lòng người đọc, cảm giác yêu đời, yêu cuộc sống.*** | - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Con chim chiền chiện bay lượn giữa khung cảnh thiên nhiên như thế nào?*  *+ Những từ ngữ và chi tiết nào vẽ lên hình ảnh co chim chiền chiện tự do bay lượn giữa không gian cao rộng?*  *+ Tìm những câu thơ nói về tiếng hót của con chim chiền chiện?*  *+ Tiếng hót của con chim chiền chiện gợi cho em cảm giác như thế nào?*  *\* Nêu nội dung bài học?*  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và nêu nội dung đoạn, bài. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm – Học thuộc lòng***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được một số khổ thơ của bài. Học thuộc lòng bài thơ  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc diễn cảm trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn cá nhân đọc diễn cảm tốt  - Thi học thuộc lòng ngay tại lớp  - Ghi nhớ nội dung, ý nghĩa của bài  - Đọc diễn cảm toàn bài thơ | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc của toàn bài  - Yêu cầu đọc diễn 2 – 3 khổ thơ của bài  - Yêu cầu HS học thuộc lòng  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 164:* ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập kiến thức về các đơn vị đo khối lượng

**2. Kĩ năng**

- Chuyển đổi được số đo khối lượng.

- Thực hiện được phép tính với số đo khối lượng.

**3. Thái độ**

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 4. Khuyến khích HSNK hoàn thành tất cả bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Bút, sách

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, thực hành,...

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ 2 đơn vị đo khối lượng liền kề hơn kém nhau 10 lần* | **1.Khởi động***:(3p)*  *+ Nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng.*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. HĐ thực hành** (35p)  **\* Mục tiêu:** - Chuyển đổi được số đo khối lượng.  - Thực hiện được phép tính với số đo khối lượng.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| **Cá nhân – Lớp**  Đáp án:  1 yến = 10 kg 1 tạ = 10 yến  1 tạ = 100 kg 1 tấn = 10 tạ  1 tấn = 1000 kg 1 tấn = 100 yến  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  Đáp án:  10 yến = 100 kg  yến = 5 kg  50 kg = 5 yến 1 yến 8 kg = 18 kg  5 tạ = 50 yến 1500 kg = 15 tạ  30 yến = 3 tạ 7 tạ 20 kg = 720 kg  32 tấn = 320 tạ 3 tấn 25 kg = 3025 kg  **Cá nhân – Lớp**  *+ Ta phải đổi cân nặng của con cá và mớ rau về cùng một đơn vị đo rồi tính tổng hai cân nặng.*  ***Bài giải***  1 kg 700 g = 1700 g  Cả con cá và mớ rau nặng là:  1700 + 300 = 2000 (g)  2000 g = 2 kg  Đáp số: 2 kg  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  **\*Bài 3:**  Đáp án:  2kg 7hg = 2700g 60kg7g > 6007g  5kg 3g < 5035g 12 500g = 12kg 500g  **\*Bài 5:**  Xe ô tô chở được tất cả là:  50 x 32 = 1600 (kg)  1600 kg = 16 tạ  Đ/s: 16 tạ gạo  - Chữa lại các phần bài tập làm sai.  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải. | ***Bài 1***: Viết số thích hợp vào chỗ chấm  - Nhận xét, chốt đáp án đúng.  \***KL:** Củng cố cách đổi các đơn vị đo khối lượng.  ***Bài 2:*** Viết số thích hợp vào chỗ chấm  - Chia sẻ, nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách đổi số đo có 2 đơn vị đo về số đo có một đơn vị đo  ***Bài 4:***  ***-*** Gọi 1 HS đọc đề bài trước lớp, cả lớp đọc thầm.  *+ Để tính được cả con cá và mớ rau nặng bao nhiêu ki- lô- gam ta làm như thế nào?*  - Nhận xét, chốt đáp án đúng.  ***Bài 3 + Bài 5 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Củng cố cách so sánh các đơn vị đo khối lượng  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**MIÊU TẢ CON VẬT (KIỂM TRA VIẾT)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để viết được bài văn miêu tả con vật đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài); diễn đạt thành câu, lời văn tự nhiên, chân thực.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng dùng từ đặt câu trong bài văn miêu tả

**3. Thái độ**

- Có ý thức học tập tích cực, nghiêm túc

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh, ảnh minh họa một số con vật.

- HS: Vở, bút để làm bài KT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, luyện tập - thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Gồm 3 phần: MB, TB, KB*  *+ MB: Giới thiệu con vật sẽ tả,....* | **1. Khởi động:(***5p)*  *+ Nêu cấu tạo bài văn miêu tả con vật*  *+ Mỗi phần của bài văn cần có những nội dung gì?*  *- GV* dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để viết được bài văn miêu tả con vật đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài); diễn đạt thành câu, lời văn tự nhiên, chân thực.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Lớp** | |
| Thực hiện | - GV chép 4 đề bài như gợi ý SGK  - GV cho HS quan sát tranh, ảnh phóng to về các con vật  - Yêu cầu HS tự viết bài  - Thu bài – Nhận xét chung  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**CHUỖI THỨC ĂN TRONG TỰ NHIÊN**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về chuỗi thức ăn trong tự nhiên.

**2. Kĩ năng**

- Thể hiện mối quan hệ về thức ăn giữa sinh vật này với sinh vật khác bằng sơ đồ.

**3. Thái độ**

- HS học tập nghiêm túc, tích cực.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

***\* KNS:***

*- Bình luận, khái quát, tổng hợp các thông tin để biết mối quan hệ thức ăn trong tự nhiên rất đa dạng*

*- Phân tích, phán đoán và hoàn thành 1 sơ đồ chuỗi thức ăn trong tự nhiên*

*- Đảm nhận trách nhiệm xây dựng kế hoạch và kiên định thực hiện kế hoạch cho bản thân để ngăn chặn các hành vi phá vỡ cân bằng chuỗi thức ăn trong tự nhiên*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: **+** Hình minh họa trang 132, SGK phô tô theo nhóm.

+ Hình minh hoạ trang 133, SGK (phóng to).

- HS: Giấy A3 và bút dạ.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBHT điều khiển lớp trả lời, nhận xét  *+ Cỏ là thức ăn của thỏ, thỏ là thức ăn của cáo, cáo chết xác bị phân huỷ và là thức ăn của cỏ.*  *.....* | **1, Khởi động *(2p)***  *+ Nêu một số ví dụ về chuỗi thức ăn?*  - Giới thiệu bài, ghi bảng. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được ví dụ về chuỗi thức ăn trong tự nhiên.  - Thể hiện mối quan hệ về thức ăn giữa sinh vật này với sinh vật khác bằng sơ đồ  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - Hoàn thành sơ đồ bằng mũi tên và chữ, nhóm trưởng điều khiển các bạn lần lượt giải thích sơ đồ.  - Đại diện của 4 nhóm lên trình bày.  - Trao đổi và tiếp nối nhau trả lời.  *+ Là cỏ.*  *+ Quan hệ thức ăn, cỏ là thức ăn của bò.*  *+ Bò thải ra môi trường phân và nước tiểu cần thiết cho sự phát triển của cỏ.*  *+ Nhờ các vi khuẩn mà phân bò được phân huỷ.*  *+ Phân bò phân huỷ thành các chất khoáng cần thiết cho cỏ. Trong quá trình phân huỷ, phân bò còn tạo ra nhiều khí các- bô- níc cần thiết cho đời sống của cỏ.*  *+ Quan hệ thức ăn. Phân bò là thức ăn của cỏ.*  *+ Chất khoáng do phân bò phân hủy để nuôi cỏ là yếu tố vô sinh, cỏ và bò là yếu tố hữu sinh.*  - Quan sát, lắng nghe.  **Nhóm 2 – Lớp**  *+ Hình vẽ cỏ, thỏ, cáo, sự phân hủy xác chết động vật nhờ vi khuẩn.*  *+ Thể hiện mối quan hệ về thức ăn trong tự nhiên.*  *+ Cỏ là thức ăn của thỏ, thỏ là thức ăn của cáo, xác chết của cáo được vi khuẩn phân hủy thành chất khoáng, chất khoáng này được rễ cỏ hút để nuôi cây.*  - Quan sát, lắng nghe.  *+ Chuỗi thức ăn là mối quan hệ về thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên. Sinh vật này ăn sinh vật kia và chính nó lại là thức ăn cho sinh vật khác.*  *+ Từ thực vật.*  - Lắng nghe.  - Nêu ví dụ về chuỗi thức ăn  - Vẽ và trang trí một chuỗi thức ăn và trưng bày tại góc | **HĐ1: *Mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật với nhau, giữa sinh vật với yếu tố vô sinh:***  - Chia nhóm, mỗi nhóm gồm 4 HS và phát phiếu có hình minh họa trang 132, SGK cho từng nhóm.  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu trong phiếu (Dựa vào hình 1 để xây dựng sơ đồ (bằng chữ và mũi tên) chỉ ra mối quan hệ qua lại giữa cỏ và bò trong một bãi chăn thả bò).  - Yêu cầu HS hoàn thành phiếu sau đó viết lại sơ đồ mối quan hệ giữa bò và cỏ bằng chữ và giải thích sơ đồ đó. GV đi giúp đỡ các nhóm để đảm bảo HS nào cũng được tham gia.  - Gọi các nhóm trình bày. Yêu cầu các nhóm khác theo dõi và bổ sung.  - Nhận xét sơ đồ, giải thích sơ đồ của từng nhóm.  *+ Thức ăn của bò là gì?*  *+ Giữa cỏ và bò có quan hệ gì?*  *+ Trong quá trình sống bò thải ra môi trường cái gì? Cái đó có cần thiết cho sự phát triển của cỏ không?*  *+ Nhờ đâu mà phân bò được phân huỷ?*  *+ Phân bò phân huỷ tạo thành chất gì cung cấp cho cỏ?*  *+ Giữa phân bò và cỏ có mối quan hệ gì?*  - Viết sơ đồ lên bảng:  Phân bò Cỏ Bò.  *+ Trong mối quan hệ giữa phân bò, cỏ, bò đâu là yếu tố vô sinh, đâu là yếu tố hữu sinh?*  - Vừa chỉ vào hình minh họa, sơ đồ bằng chữ và giảng: ***Cỏ là thức ăn của bò, trong quá trình trao đổi chất, bò thải ra môi trường phân. Phân bò thải ra được các vi khuẩn phân hủy trong đất tạo thành các chất khoáng. Các chất khoáng này lại trở thành thức ăn của cỏ.***  **HĐ2: *Chuỗi thức ăn trong tự nhiên:***  - Tổ chức cho HS hoạt động theo cặp.  - Yêu cầu: Quan sát hình minh họa trang 133, SGK, trao đổi và trả lời câu hỏi.  *+ Hãy kể tên những gì được vẽ trong sơ đồ?*  *+ Sơ đồ trang 133, SGK thể hiện gì?*  *+ Chỉ và nói rõ mối quan hệ về thức ăn trong sơ đồ?*  - GV: ***Đây là sơ đồ về một trong các chuỗi thức ăn trong tự nhiên: Cỏ là thức ăn của thỏ, thỏ là thức ăn của cáo, xác chết của cáo là thức ăn của nhóm vi khuẩn ngoại sinh. Nhờ có nhóm vi khuẩn ngoại sinh mà các xác chết hữu cơ trở thành các chất khoáng (chất vô cơ). Những chất khoáng này lại trở thành thức ăn của cỏ và các cây khác. Người ta gọi những mối quan hệ về thức ăn trong tự nhiên là chuỗi thức ăn. Chuỗi thức ăn là một dãy bao gồm nhiều sinh vật, mỗi loài là một mắc xích thức ăn, mỗi “mắc xích” thức ăn tiêu thụ mắt xích ở phía trước nó bị mắc xích ở phía sau tiêu thụ.***  *+ Thế nào là chuỗi thức ăn?*  *+ Theo em, chuỗi thức ăn bắt đầu từ sinh vật nào?*  - ***Kết luận***: ***Trong tự nhiên có rất nhiều chuỗi thức ăn, các chuỗi thức ăn thường bắt đầu từ thực vật. Thông qua chuỗi thức ăn, các yếu tố vô sinh và hữu sinh liên hệ mật thiết với nhau thành một chuỗi khép kín.***  **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  4. **Hoạt động sáng tạo** (1p) |

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**THÊM TRẠNG NGỮ CHỈ MỤC ĐÍCH CHO CÂU**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách thêm trạng ngữ cho câu

**2. Kĩ năng**

- Tìm hoặc thêm trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì - BT1, BT2 mục III)

- Thêm được CN, VN để hoàn chỉnh câu đã cho sẵn trạng ngữ.

**Thái độ**

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

*\* ĐCND:* ***Không dạy phần Nhận xét, không dạy phần Ghi nhớ. Phần Luyện tập chỉ yêu cầu tìm hoặc thêm trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì)***

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút dạ

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập - thực hành,...

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  + VD: *Nhờ bác lao công*, sân trường luôn sạch sẽ.  => *Nhờ đâu,* sân trường luôn sạch sẽ? | | **1. Khởi động** *(3p)*  *+ Đặt 1 câu có trạng ngữ bắt đầu bằng Nhờ..., Vì...., Do...., Tại....,và đặt câu hỏi cho trạng ngữ đó*  - GV giới thiệu - Dẫn vào bài mới | |
| **2. HĐ thực hành** *(35p)*  **\* Mục tiêu:**  - Tìm hoặc thêm trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì - BT1, BT2 mục III).  - Thêm được CN, VN để hoàn chỉnh câu cho trước trạng ngữ**.**  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **Cá nhân – Nhóm 2 - Chia sẻ lớp**  Đáp án:  *a.**Để tiêm phòng dịch cho trẻ em,*tỉnh …  *b. Vì Tổ quốc***,** thiếu niên sẵn sàng!  c. *Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho HS*, các trường...  + Trả lời cho câu hỏi: *Để làm gì?, Vì cái gì?, Nhằm mục đích gì?*  *+ VD: Để có thành tích tốt, đội bóng cần chăm chỉ tập luyện*  **Cá nhân – Lớp**  Đáp án:  a. *Để lấy nước tưới cho đồng ruộng****,*** xã em vừa đào một con mương.  b. *Để cô vui lòng,*chúng em …  c. *Để có sức khỏe****,*** em phải …  **Nhóm 2 – Lớp**  Đáp án:  a/ Để mài cho răng mòn đi***, chuột gặm các đồ vật cứng***  b/Để tìm kiếm thức ăn***, chúng dùng cái mũi và mồm đặc biệt đó dũi đất***.  - Ghi nhớ cách thêm trạng ngữ cho câu  - Tìm hiểu về các loại trạng ngữ khác của câu. | **Bài tập 1:** Chỉ yêu cầu tìm trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì)  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  - Lưu ý: TN thường đứng đầu câu và ngăn cách với CN và VN bởi dấu phẩy  *+ Trạng ngữ trong các câu trên trả lời cho câu hỏi gì?*  *+ Hãy đặt câu có trạng ngữ trả lời cho câu hỏi Để làm gì*  **Bài tập 2:** Chỉ y/ c thêm trạng ngữ thích hợp  - GV chốt đáp án  **Bài tập 3:**    - GV nhận xét và khen những HS thêm được CN và VN hay, phù hợp nội dung đoạn văn  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 165:* ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG (tt)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập kiến thức về đại lượng thời gian

**2. Kĩ năng**

- Chuyển đổi được các đơn vị đo thời gian.

- Thực hiện được phép tính với số đo thời gian.

**3. Thái độ**

- Tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 4. KK HS năng khiếu hoàn thành tất cả các bài tập.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập-thực hành

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận đông tại chỗ | **1.Khởi động***:(3p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** (35p)  **\* Mục tiêu:** - Chuyển đổi được các đơn vị đo thời gian.  - Thực hiện được phép tính với số đo thời gian.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Lớp**  Đáp án:  1 giờ = 60 phút 1 năm = 12 tháng  1 phút = 60 giây 1 thế kỉ = 100 năm  1 giờ = 3600 giây;  1năm không nhuận = 365 ngày  1 năm nhuận = 366 ngày  *+ Đổi 1 giờ thành 60 phút, lấy 60 nhân 60 được 3 600 giây*  *+ Vì tháng 2 của năm nhuận có 29 ngày trong khi năm thường chỉ có 28 ngày*  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  Đáp án:  5 giờ = 300 phút; 3 giờ 15 phút = 195 phút  420 giây = 7 phút 1/12 giờ = 5 phút  4 phút = 240 giây; 3 phút 25 giây = 205 giây  2 giờ = 7200 giây 5 thế kỉ = 500 năm  12 thế kỉ = 1200 năm; 2000 năm = 20 thế kỉ  *+ Lấy 60 nhân với ½*  **Cá nhân – Lớp**    - 1 HS đọc  + Thời gian Hà ăn sáng là:  7 giờ – 6 giờ 30 phút = 30 phút  + Thời gian Hà ở trường buổi sáng là:  11 giờ 30 phút – 7 giờ 30 phút = 4 giờ  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  **\* Bài 3:** VD:  5 giờ 20 phút = 5 giờ + 20 phút  = 300 phút + 20 phút  = 320 phút  Vậy 5 giờ 20 phút > 300 phút  **\* Bài 5:** Khoảng thời gian dài nhất là 20 phút => Đáp án B vì:  A. 600 giây = 10 phút  C. ¼ giờ = 15 phút  D. 3/10 giờ = 9 phút  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải | ***Bài 1***  - Gọi HS đọc và nêu YC của BT.  - GV nhận xét, chốt KQ đúng; khen ngợi/động viên.  *+ Em đổi 1 giờ = 3 600 giây bằng cách nào?*  *+ Tại sao năm nhuận có 366 ngày?*  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2:***  - Chốt đáp án, chốt cách đổi  *+ Em đổi 1/12 giờ = 5 phút như thế nào?*  ***Bài 4***  - Yêu cầu HS đọc bảng thống kê một số hoạt động của bạn Hà.  *+ Hà ăn sáng trong bao nhiêu phút ?*  *+ Buổi sáng Hà ở trường trong bao lâu ?*  - Nhận xét câu trả lời của HS, có thể dùng mặt đồng hồ quay được các kim và cho HS kể về các hoạt động của bạn Hà, hoặc của em. Vừa kể vừa quay kim đồng hồ đến giờ chỉ hoạt động đó.  ***Bài 3 + Bài 5 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Yêu cầu HS giải thích cách so sánh của mình  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**ĐIỀN VÀO GIẤY TỜ IN SẴN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Làm quen với những giấy tờ in sẵn có ứng dụng trong cuộc sống

**2. Kĩ năng**

- Biết điền đúng nội dung vào những chỗ trống trong giấy tờ in sẵn: Thư chuyển tiền (Bt1); bước đầu biết cách ghi vào thư chuyển tiền để trả lại bưu điện sau khi đã nhận được tiền gửi (BT2).

**3. Thái độ**

- HS có ý thức tham gia tích cực các hoạt động học tập

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL hợp tác

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Mẫu Thư chuyển tiền (phóng to)

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành**:(35p*)*  **\* Mục tiêu:** Biết điền đúng nội dung vào những chỗ trống trong giấy tờ in sẵn: Thư chuyển tiền (Bt1); bước đầu biết cách ghi vào thư chuyển tiền để trả lại bưu điện sau khi đã nhận được tiền gửi (BT2).  **\*Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân - Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  - HS nối tiếp nhau đọc mặt trước mặt sau của thư chuyển tiền. Lớp đọc thầm theo.  - HS lắng nghe  - HS thực hành  - Một số HS đọc trước lớp nội dung mình đã điền.  - Lớp nhận xét.  **Cá nhân – Lớp**  + Người nhận tiền phải viết:  ***⬩ Số CMND của mình.***  ***⬩ Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi mình đang ở.***  ***⬩ Kiểm tra số tiền nhận được.***  ***⬩ Kí nhận đã nhận đủ số tiền gửi đến vào ngày, tháng, năm nào, tại đâu?***  - Hoàn thành giấy chuyển tiền  - Tìm hiểu về mẫu giấy chuyển tiền hiện nay tại ngân hàng và các hình thức chuyển tiền mới | **Bài tập 1:**Cho HS đọc yêu cầu BT1.  - GV giao việc: Các em đọc kĩ cả hai mặt của mẫu ***Thư chuyển tiền***, sau đó điền vào chỗ trống những nội dung cần thiết.  - GV giải nghĩa những chữ viết tắt cần thiết.  + ***Nhật ấn:*** dấu ấn trong ngày của bưu điện.  + ***Căn cước***: giấy chứng minh thư.  + ***Người làm chứng***: người chứng nhận về việc đã nhận đủ tiền.  - GV hướng dẫn cách điền vào mẫu thư:  + Mặt trước tờ mẫu cần điền:  ***⬩ Ghi rõ ngày, tháng, năm gửi tiền.***  ***⬩ Ghi rõ họ tên mẹ em (người gửi tiền).***  ***⬩ Ghi bằng chữ số tiền gửi.***  ***⬩ Họ tên, địa chỉ của bà (người nhận tiền)***  ⬩ Nếu cần sửa chữa điều đã viết, em nhớ viết vào ô dành cho việc sửa chữa.  + Mặt sau cần điền:  ⬩ Em thay mẹ viết thư ngắn, gọn vào phần riêng để viết thư 🡪 đưa mẹ kí tên.  ⬩ Các phần còn lại các em không phải viết.  - Cho HS trình bày bài.  - GV nhận xét và khen những HS điền đúng, đẹp.  *\** **Bài tập 2:** Cho HS đọc yêu cầu BT.  *+ Khi nhận tiền kèm theo bức thư chuyển tiền này, người nhận cần viết gì vào thư để trả lại bưu điện?*    **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ HẢI SẢN**

**Ở VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kể tên một số hoạt động khai thác nguồn lợi chính của biển đảo (hải sản, dầu khí, du lịch, cảng biển,…):

+ Khai thác khoáng sản: dầu khí, cát trắng, muối.

+ Đánh bắt và nuôi trồng hải sản.

+ Phát triển du lịch.

**2. Kĩ năng**

- Chỉ trên bản đồ tự nhiên Việt Nam nơi khai thác dầu khí, vùng đánh bắt nhiều hải sản của nước ta.

**3. Thái độ**

- Tự hào biển đảo, có ý thức giữ vững chủ quyền biển đảo

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

***\* BVMT:*** *Sự thích nghi và cải tạo môi trường ở biển, đảo và quần đảo*

*+ Khai thác dầu khí, cát trắng*

*+ Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản*

***\* TKNL:*** *Tài nguyên khoáng sản quan trọng nhất của thềm lục địa là dầu lửa, khí đốt. Cần khai thác và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên quý giá này.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: BĐ Địa lí tự nhiên VN.

- HS: Tranh, ảnh về khai thác dầu khí; khai thác và nuôi hải sản, ô nhiễm môi trường biển.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Vùng biển nước ta có diện tích rộng…*  *+ Là kho muối vô tận, đồng thời có nhiều khoáng sản, hải sản quý và có vai trò điều hoà khí hậu…* | | **1.Khởi động:***(2p)*  *+ Bạn**hãy mô tả vùng biển nước ta?*  *+ Bạn hãy nêu vai trò của biển, đảo và các quần đảo đối với nước ta?*  - GV giới thiệu bài mới | |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Kể tên một số hoạt động khai thác nguồn lợi chính của biển đảo (hải sản, dầu khí, du lịch, cảng biển,…)  - Chỉ trên bản đồ tự nhiên Việt Nam nơi khai thác dầu khí, vùng đánh bắt nhiều hải sản của nước ta  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | | | |
| **Cá nhân – Lớp**  *+ Là dầu mỏ và khí đốt*  *+ Để sử dụng trong nước và xuất khẩu*  *+ Khai thác cát trắng để làm nguyên liệu cho công nghiệp thuỷ tinh ở ven biển Khánh Hoà, sản xuất muối…*  *+ HS chỉ trên bản đồ.*  - Lắng nghe  *+ Tài nguyên có hạn, khai thác nhiều sẽ cạn kiệt*  *+ Cần khai thác tiết kiệm, sử dụng có hiệu quả*  **Nhóm 2 – Lớp**  *+ Có hàng nghìn loại cá: cá thu, cá song, cá nhụ, cá hồng,…Có hàng chục loại tôm: tôm hùm, tôm he,…Có nhiều loại hải sản khác: hải sâm, bào ngư, đồi mồi, sò huyết, ốc hương,…*  *+ Hoạt động đánh bắt hải sản của nước ta diễn ra khắp vùng biển từ Bắc tới Nam.Vùng ven biển từ* *Quảng Ngãi tới Kiên Giang là nới đánh bắt nhiều hải sản nhất…*  *+ Ngoài việc đánh bắt hải sản, nhân dân còn nuôi các laọi cá, tôm và các hải sản khác như đồi mồi, ngọc trai,…*  + Khai thác dầu khí, khai thác cát trắng làm thuỷ tinh, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ hải sản  - Tìm hiểu về quy trình sản xuất thuỷ tinh từ cát trắng và một số sản phẩm làm từ thuỷ tinh | ***Hoạt động1*: Khai thác khoáng sản :**  - Cho HS dựa vào SGK, tranh, ảnh trả lới các câu hỏi sau:  *+ Tài nguyên khoáng sản quan trọng nhất của vùng biển VN là gì?*  *+ Dầu khí nước ta khai thác để làm gì?*  *+ Nước ta đang khai thác những khoáng sản nào ở vùng biển VN? Ở đâu? Dùng để làm gì?*  *+ Tìm và chỉ trên bản đồ vị trí nơi đang khai thác các khoáng sản đó.*  - GV nhận xét: ***Vùng biển nước ta có nhiều loại khoáng sản.*** ***Hiện nay dầu khí của nước ta khai thác được chủ yếu dùng cho xuất khẩu và chủ yếu xuất khẩu sản phẩm thô nên giá thành thấp. Nước ta đang xây dựng các nhà máy lọc và chế biến dầu.***  **\* Giáo dục tiết kiệm năng lượng:**  *+ Theo em, nguồn tài nguyên dầu mỏ và khí đốt là tài nguyên vô hạn hay có hạn?*  *+ Cần khai thác hai loại khoáng sản này như thế nào?*  **\**Hoạt động2:* Đánh bắt và nuôi trồng hải sản**  - GV cho các nhóm dựa vào tranh, ảnh, bản đồ, SGK thảo luận theo gợi ý:  *+ Nêu những dẫn chứng thể hiện biển nước ta có rất nhiều hải sản.*    *+ Hoạt động đánh bắt hải sản của nước ta diễn ra như thế nào? Những nơi nào khai thác nhiều hải sản? Hãy tìm những nơi đó* *trên bản đồ.*  + *Ngoài việc đánh bắt hải sản, nhân dân còn làm gì để có thêm nhiều hải sản?*  - GV cho HS chỉ trên bản đồ vùng đánh bắt nhiều hải sản.  - GV mô tả thêm về việc đánh bắt, tiêu thụ hải sản của nước ta. Có thể cho HS kể những loại hải sản mà các em đã trông thấy hoặc đã được ăn.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  ***\* GDBVMT: Người dân sống ở các đảo và quần đảo đã tận dụng những lợi thế của môi trường biển vào các hoạt động nào?***  - GV: Nhờ tận dụng các điều kiện có lợi mà con người sống hoà hợp với môi trường, tạo cảnh quan môi trường sạch, đẹp  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHTT - KNS**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 33**

**CÁCH SỬ DỤNG PHAO CỨU HỘ**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 33

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 34

- Có tinh thần tập thể, đoàn kết, yêu thương các bạn

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tín hiệu

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể***